

Thiết bị tiêu chuẩn

Buồng lái đạt chuẩn ISO · Cabin ROPS(ISO 3471) · FOG(ISO 10262 Level) · FOPS(ISO 3449) · TOPS(ISO 12117) · Buồng lái làm từ thép, thách thức mọi điều kiện thời tiết và có thể quan sát mọi phía · Cửa kính an toàn · Cần gạt nước loại nâng lên xuống · Cửa sổ trước xếp vào kiểu trượt · Cửa sổ bên sườn kiểu trượt · Cửa có thể khóa được · Hộp dụng cụ & Khay gạt tàn	· Làm nóng · Mức nhiên liệu · Áp suất dầu động cơ · Nhiệt độ nước làm mát động cơ · Nhiệt độ dầu thủy lực · Áp quy yếu · Đóng bộ lọc khí Cửa và khóa buồng lái, một chìa khóa Radio / máy nghe nhạc USB có điều khiển từ xa Ba gương chiếu hậu bên ngoài Ghế treo giảm xóc có bộ sưởi Ghế giảm xóc có thể điều chỉnh hoàn toàn với dây an toàn Hệ thống nghiêng hộp điều khiển (tay lái trái) Bồn đèn báo hoạt động phía trước Còi điện Ắc quy (1 x 12 V x 100 AH) Công tắc ngắt mass ắc qui	Nguồn điện 12V Lưới lọc có thể vệ sinh và tháo ra dành cho kết làm mát Phanh quay tự động Bình chứa có thể tháo ra Bộ tách nước, đường nhiên liệu Cần trục đơn (3.0 m, 9'10") Tay gầu (1.6 m, 5' 3") Lốp (12.0 x 16.5 - 12PR, single) Lưỡi (1925 x 354mm, 6'4" x 14") Hỗ trợ khởi động (bộ gia nhiệt lưỡi thông gió) trong thời tiết lạnh Bộ dụng cụ đường ống một chiều (phanh, etc) Bộ ly hợp quạt dùng nhớt
--	--	---

Thiết bị tùy chọn

Điều hòa không khí & bộ sưởi Bơm lọc nhiên liệu(35ℓ/min, 9.2 US gpm) Đèn báo nguy hiểm Bộ đường ống hai chiều (gầu ngoạm hai hàm, vv)	Bình tích năng, hạ thấp thiết bị làm việc Đèn báo hoạt động trước (2) và sau (1) buồng lái Khớp nối nhanh Gầu mức hẹp (0.07m, 0.09yd)	Tay gầu dài (1.9m, 6' 3") Bộ dụng cụ Áo người vận hành Ghế giảm xóc cơ học có bộ sưởi
---	---	---

* Thiết bị tiêu chuẩn và tùy chọn có thể thay đổi. Liên hệ với đại lý Hyundai để biết thêm thông tin. Máy có thể khác đĩ theo tiêu chuẩn quốc tế.
* Hình ảnh có thể gồm cả phụ kịệnaà thiết bị tùy chọn không có sẵn tại khu vực của bạn.
* Vật liệu và thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước.
* Tất cả các đo lường theo hệ Anh được làm tròn xuống đơn vị pao hoặc inch gần nhất.

VUI LÒNG LIÊN HỆ

HYUNDAI

HEAVY INDUSTRIES CO.,LTD.

CONSTRUCTION EQUIPMENT

Head Office

1000 BANGEOJINSUNHWAN-DORO, DONG-GU, ULSAN, 682-792, KOREA

TEL: (82)52-202-7722, 9807 FAX: (82)52-202-7720

9 9 9 0 0 9 - 5 0 2 3 7 0

Chúng tôi xây dựng tương lai tốt đẹp hơn

Robex

60w-95

Với động cơ cấp 2 được lắp đặt

*Photo may include optional equipment.

Tự tin làm việc

Hyundai Heavy Industries phấn đấu tạo nên một thiết bị làm đất hiện đại, mang đến cho người vận hành công suất tối đa, với độ chính xác cao hơn, một loại máy nhiều tác dụng với chất lượng đã được chứng minh. Hãy tự tin khi làm việc với sản phẩm của Hyundai!



*Hình ảnh có thể bao gồm thiết bị tùy chọn

Robex 60W-9S

Chiếc máy có thể di chuyển bốn phía

Khung trên và khung dưới chịu lực tốt

Phần khung trên được thiết kế với kết cấu liên khối tối ưu để giảm chấn và hấp thụ ứng lực khi vận hành. Khung dưới được gia cố và bộ giảm chấn tăng cường mang đến độ bền vượt trội và tuổi thọ dài hơn để có thể chống chịu các điều kiện làm việc khắc nghiệt

Công nghệ động cơ

Động cơ Yanmar 4TNV94L tiết kiệm nhiên liệu, loại 2 đã được chứng nhận mang đến sức mạnh vượt trội đã được chứng minh.

Hệ thống kiểm soát hiệu quả

Tất cả các thiết bị kiểm soát đều được bố trí để mang lại hiệu suất cao hơn, và tăng sự thoải mái cho người vận hành trong quá trình làm việc. Việc kiểm soát hiệu quả cho phép người vận hành điều khiển máy trong bất cứ môi trường làm việc nào. Cần an toàn ở bộ điều khiển bên tay trái được trang bị để ngăn việc thoát ra khỏi buồng lái khi thiết bị điều khiển thủy lực đang hoạt động.

Hệ thống thủy lực tiên tiến

Hệ thống thủy lực tiên tiến gồm có một hệ thống tổng dòng tay gàu, hệ thống giữ cần trục và một phanh tay quay giúp việc điều khiển trơn tru và chính xác. Các tính năng có giá trị khác gồm có bộ giảm chấn thủy lực ở bàn đạp di chuyển và bộ giảm tốc quay được bôi trơn thủy lực với bầu dầu không rò rỉ.

Buồng lái thoải mái

Buồng lái được thiết kế rộng rãi, an toàn và hiệu quả, giảm tiếng ồn và tăng tầm nhìn của người vận hành. Khung buồng lái đạt các tiêu chuẩn quốc tế TOPS, ROPS, FOPS đảm bảo an toàn cho người vận hành.

Sự tiện lợi cho người vận hành

Các tính năng tiện lợi cho người vận hành gồm có: ghế giảm xóc, tầm nhìn rộng và không gian chứa có thể thay đổi giúp tăng sự thoải mái của người vận hành. Cụm đèn LED mới được thiết kế cung cấp các thông tin hiện tại, gồm tốc độ của động cơ, mức nhiên liệu, nước làm mát động cơ và các thành phần điện. Khóa an toàn thủy lực và các chức năng chẩn đoán tự động cũng có sẵn. Chức năng khóa và chẩn đoán lỗi cũng được tích hợp. Hệ thống điều hòa không khí mạnh mẽ và giao diện Radio/USB mang đến một môi trường làm việc thoải mái và dễ chịu.

Bảo dưỡng đơn giản, dễ dàng

Các cửa, vỏ, nắp có thể mở rộng được thiết kế để thực hiện công tác bảo dưỡng dễ dàng hơn. Bộ lọc khí và núm tra mỡ ở trung tâm cũng được tích hợp giúp đơn giản hóa việc bảo dưỡng

Các bộ phận có tuổi thọ cao hơn

Các bộ phận có tuổi thọ dài và các chi tiết mòn, gồm bộ lọc thủy lực, dầu, ống lót, giúp giảm chi phí vận hành.

Ưu chuộng



*Hình ảnh có thể bao gồm cả thiết bị tùy chọn



Buồng lái rộng với tầm nhìn tuyệt vời

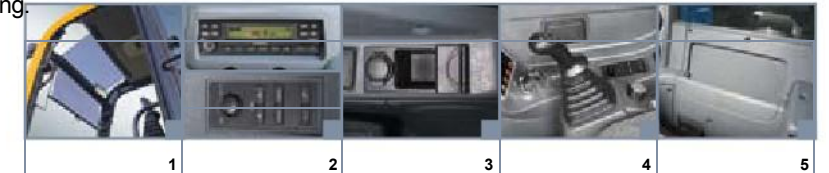
Buồng lái được thiết kế mới mang đến nhiều không gian hơn, tầm nhìn rộng hơn và cảm giác thoải mái hơn cho người vận hành. Thiết kế đặc biệt chú trọng đến không gian mở, sạch sẽ và thoải mái bên trong và người vận hành có thể bao quát toàn bộ không gian xung quanh máy. Điều này đã làm cân bằng sự kết hợp của các yếu tố yêu cầu độ chính xác, cho người vận hành vị trí lý tưởng để vận hành máy chắc chắn và an toàn

Sự thoải mái cho người vận hành

Buồng lái của người vận hành R60W-9S được thiết kế để mang đến những trải nghiệm thoải mái cho người lái. Ghế giảm xóc được thiết kế an toàn, thanh kê tay có thể điều chỉnh được và không gian rộng rãi giúp hạn chế tối đa sự mệt mỏi của người vận hành khi thao tác.

Các cần điều khiển dễ sử dụng và màn hình hiển thị các thiết bị đo được trang bị để người vận hành luôn nắm được thông tin của máy.

1. Kính mái phía trên rộng giúp tăng tầm nhìn và tấm che kiểu cuộn được trang bị để giảm ánh sáng chói và ánh nắng mặt trời
2. Hệ thống âm thanh tiên tiến với đài AM/FM có máy nghe nhạc cắm USB, cùng với điều khiển từ xa mang lại trải nghiệm nghe nhạc tuyệt vời.
3. Chức năng nghe điện thoại không cầm tay giúp sử dụng điện thoại an toàn và tiện lợi.
4. Cần lái được thiết kế an toàn và hiệu quả, giảm cảm giác mệt mỏi của người vận hành trong cả ngày làm việc.
5. Có khoang chứa đồ đa năng tiện dụng.



Tấm chắn nắng Radio & máy nghe nhạc USB có điều khiển từ xa điện thoại không cầm tay cần điều khiển Khoang chứa đồ

Buồng lái được cải tiến

R60W-9S của Hyundai được trang bị giúp mang đến sự thoải mái và hiệu suất làm việc cao.

1. Cửa sổ có thể điều chỉnh vị trí ngăn cửa di chuyển trong khi đang làm việc.
2. Cửa sổ phía trước kiểu gấp và trượt có thể mở dễ dàng và được giữ an toàn ở vị trí mở để cải thiện khả năng thông gió và tầm nhìn
3. Cần điều khiển bên trái có thể nghiêng được giúp ra vào buồng lái dễ dàng hơn.
4. Hệ thống điều hòa không khí cho người vận hành nhiệt độ không khí tối ưu.



Cửa sổ bên có thể điều chỉnh cửa sổ trước kiểu gấp và trượt Cần điều khiển nghiêng được

Hệ thống điều hòa không khí



Cụm thiết bị thân thiện với người vận hành

Cụm đèn LED mới tiên tiến cho phép người vận hành lựa chọn chế độ máy mong muốn. Màn hình điều khiển hiển thị tốc độ động cơ, nhiệt độ dầu động cơ, nhiệt độ nước và thông tin cho tất cả các thiết bị điện tử

Cung cấp các lựa chọn nút bấm cho chế độ chạy không tải tự động, chế độ công suất tối đa và tốc độ di chuyển. Tính năng an ninh cũng được trang bị để ngăn việc khởi động máy khi không có mặt khẩu chính xác.

Độ chính xác & Hiệu suất

Các công nghệ hệ thống thủy lực tiên tiến là nhân tố giúp máy xúc R60W-9S hoạt động nhanh, trơn tru và dễ điều khiển. R60W-9S cũng được thiết kế để mang đến hiệu suất tối đa, giúp người vận hành làm việc năng suất hơn.



Hiệu suất tuyệt vời

Hyundai's seru 9S giúp người vận hành tối đa hóa năng suất và hiệu suất làm việc. Đèn chia độ thể tích tiết lưu thuận tiện cùng đèn LED cho phép người vận hành tùy chỉnh công suất động cơ theo yêu cầu công việc. Nút công suất tối đa sẽ tối đa hóa tốc độ của máy và công suất trong hoạt động sản xuất hàng loạt.

R60W-9S cũng có tính năng đặc biệt là hệ thống không tải tự động giúp tăng hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu và giảm tiếng ồn trong buồng lái.

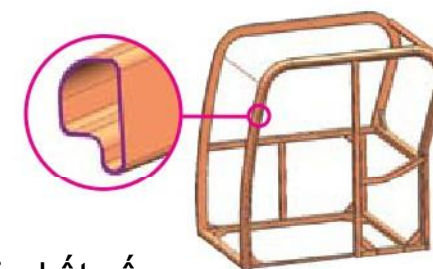
Hệ thống thủy lực được cải tiến



Để đạt được độ chính xác tối ưu, Hyundai đã thiết kế lại hệ thống thủy lực mang đến cho người vận hành khả năng kiểm soát và điều khiển máy tốt hơn. Cải thiện việc kiểm soát dòng bơm giúp giảm lưu lượng khi thiết bị điều khiển đang không hoạt động, từ đó tối thiểu hóa mức tiêu thụ nhiên liệu. Van trực cải tiến trong van điều khiển được thiết kế cho dòng nhiên liệu đến từng chức năng sẽ có độ chính xác cao hơn, dễ dàng hơn. Van thủy lực được cải tiến, bơm piston có thể thay đổi thể tích được thiết kế chính xác, thiết bị điều khiển lái nhạy hơn và các chức năng di chuyển được tăng cường khiến cho bất cứ người nào vận hành máy đào seri 9S đều trông như một người lái máy điều luyện, thành thực.

Cần trục quay nhiều hướng

Chức năng quay cần trục của R60W-9S được thiết kế để hoạt động hiệu quả hơn trong khu đô thị và khu vực dân cư đông đúc. Cần trục có thể được dịch chuyển sang trái hoặc sang phải trong phạm vi hoạt động. Thêm vào đó, mô men quay tăng lên giúp tăng khả năng vận hành khi ở trên sườn dốc



Độ bền của kết cấu

Kết cấu buồng lái máy xúc seri 9S đã được trang bị hệ thống khung ống mỏng hơn nhưng chắc hơn để tăng độ an toàn và cải thiện tầm nhìn. Thép độ bền cao, ứng lực thấp được hàn liền khối tạo nên khung bên trên và bên dưới có độ bền cao hơn và khả năng chịu lực tốt hơn. Kết cấu liền khối được kiểm nghiệm bằng việc phân tích FEM và các kiểm tra độ bền trong thời gian dài.



Yanmar 4TNV94L

Công suất động cơ cao nhất trong các sản phẩm cùng loại

Động cơ Yanmar 4TNV94L cho mô men tối đa 20.6 kgf.m (149 lb.f.ft) với 57 HP ở công suất định mức 2,400rpm . Điều này có nghĩa là R60W-9S hoạt động với công suất lớn nhất so với các sản phẩm cùng loại, cho bạn khả năng thực hiện công việc của mình hiệu quả hơn.

Lợi ích đem lại

R60W-9S được thiết kế để tối đa hóa lợi ích của người dùng thông qua hiệu quả được cải thiện, các tính năng hoạt động được nâng cao và tuổi thọ của các bộ phận cao hơn .



Tiết kiệm nhiên liệu

Khớp li hợp quạt tản nhiệt mới được áp dụng góp phần làm giảm tiếng ồn và tăng hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu

Máy đào seri 9S series được thiết kế để mang đến hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu rất cao



Độ bền được tăng cường

R60W-9S được trang bị tấm chắn phía sau đối trọng để bảo vệ nắp động cơ. Chốt gắn kiểu đai ốc hãm ngăn chốt ngàm không bị biến dạng và giảm độ hở bên ở trên cần tới phần nối tay gầu, giúp tăng tuổi thọ .

Dễ dàng tiếp cận

Các nút tra mỡ ở vị trí tập trung và bộ lọc khí bằng nhựa dễ thay giúp công tác bảo dưỡng, bảo trì nhanh chóng và dễ dàng hơn.

Nắp động cơ có thể mở rộng

Nắp động cơ loại mở được hết cỡ được thiết kế mới cho công tác vận hành bảo dưỡng R60W-9SR60W-9S thuận tiện hơn



Các bộ phận có tuổi thọ kéo dài

Seri 9S được thiết kế để khoảng cách giữa các lần tra dầu lâu hơn và tuổi thọ các chi tiết dài hơn. Dầu thủy lực có thể được sử dụng tới 5000 giờ trước khi thay. Ngoài ra, ổ bi trục trung tâm kiểu mới, hiện được được vát gấp đôi, nên yêu cầu bảo dưỡng cũng ít hơn. Tuổi thọ của các bộ phận mòn được kéo dài giúp người vận hành tiết kiệm thời gian và chi phí.

Thông số kỹ thuật

Động cơ

Model			YANMAR 4TNV94L
Loại			Làm mát bằng nước, động cơ diesel 4 kỳ 4 xy lanh thẳng hàng, Phun trực tiếp, phát thải thấp
Mã lực định mức Của bánh đà	SAE	J1995 (gross)	57 HP (42 kW) ở 2,400 rpm
		J1349 (net)	55 HP (41 kW) ở 2,400 rpm
	DIN	6271/1 (gross)	57.7 PS (42 kW) ở 2,400 rpm
		6271/1 (net)	56 PS (41 kW) ở 2,400 rpm
Mô men tối đa			20.6 kgf.m (149 lbf.ft) ở 1,440 rpm
Đường kính X khoảng chạy			94 mm (3.7") x 110 mm (4.33")
Dịch chuyển piston			3,319 cc (203 cu in)
Ắc quy			1 x 12 V x 100 AH
Mô tơ khởi động			12 V-3.0 kW
Máy phát điện			12 V-100 Amp

Hệ thống thủy lực

Bơm chính	
Loại	Bơm piston có khoảng dịch chuyển thay đổi
Lưu lượng tối đa	2 X 60 l/min(15.9 US gpm/13.2 UK gpm)
Bơm phụ mạch điều khiển	bơm bánh răng

Hệ thống bơm tiết kiệm nhiên liệu và cảm biến chéo

Mô tơ thủy lực	
Mô tơ di chuyển	Mô tơ piston hướng trục với van cân bằng đối trọng và phanh tay
Mô tơ quay	Mô tơ piston hướng trục với phanh tự động

Cài đặt van an toàn

Mạch thực hiện	220 kgf/cm ² (3,130 psi)
Mạch di chuyển	220 kgf/cm ² (3,130 psi)
Mạch quay	220 kgf/cm ² (3,130 psi)
Mạch điều khiển	30 kgf/cm ² (430 psi)
Van phụ trợ	Đã lắp đặt

Xy lanh thủy lực

	Cân: 1-110 x 715 mm (4.3" x 28.1")
Sổ xy lanh	Tay gầu: 1-90 x 850 mm (3.5" x 33.5")
Đường kính x khoảng chạy	Gầu: 1-80 x 660 mm (3.1" x 26.0")
	Quay cần trục: 1-95 x 527 mm (3.7" x 20.7")
	Lưỡi ủi: 1-100 x 189 mm (3.9" x 7.4")

Hệ thống di chuyển

Tốc độ di chuyển tối đa	30 km/h (18.6 mph)
Khả năng leo dốc	35° (70%)

Thiết bị điều khiển

Cần điều khiển vận hành bởi áp suất điều khiển và bàn đạp với cần có thể tách ra giúp người vận hành không mất nhiều sức và không khi mệt mỗi khi làm việc.

Bộ điều khiển	Hai cần điều khiển với một cần an toàn (Trái): Tay gàu và quay (Quay cần trục) (Phải): Cần trục và gàu (ISO)
Di chuyển và đánh lái	Bàn đạp và vô lăng
Hộp điều khiển ga động cơ	Buồng lái (loại kép), Động cơ (cơ học)

Hệ thống quay

Động cơ quay	Động cơ piston dọc trục
Giảm tải	Giảm bánh răng hành tinh
Tra dầu cho ổ bi quay	Tra mỡ
Phanh quay	Đĩa đĩa ướt
Tốc độ quay	9 rpm

Dung tích nước làm mát & dầu bôi trơn

Đổ đầy	liter	US gal	UK gal
Thùng nhiên liệu	125.0	33.0	27.5
Nước làm mát động cơ	9.5	2.5	2.1
Dầu động cơ	11.6	3.1	2.6
Thiết bị quay – dầu bánh răng	1.5	0.4	0.3
Thùng thủy lực	70.0	18.5	15.4
Hệ thống thủy lực	120.0	31.7	26.4
Cầu (trước/sau)	5.3/5.3	1.4/1.4	1.2/1.2

Cầu xe & lớp

Cầu xe trước treo hoàn toàn được hỗ trợ bởi chốt định tâm cho dao động.

Cầu xe có thể khóa được bằng xi lanh khóa dao động Cầu sau được cố định trên gầm dưới .

Lốp	12.0 x 16.5-12PR, đơn
-----	-----------------------

Lợi ích

Lưới ùi loại có chốt bên trên là loại tiêu chuẩn. Lưới ùi rất hữu ích khi thực hiện

công tác san lấp hoặc vệ sinh dọn sạch..

Lưỡi ủi	<u>Rộng x Cao: 1,925 x 355mm(6' 4" x 1' 2")</u> <u>Mức nâng tối đa trên mặt đất: 445mm(17.5")</u> Độ sâu tối đa dưới mặt đất: 140mm(5.5")
---------	--

Tải trọng thao tác (xấp xỉ)

Khối lượng vận hành, gồm 3,000 mm (9' 10") cần trục, 1,600 mm (5' 3") tay gầu, SAE được chất đồng 0.18 m3 (0.24 yd3) gầu đào, dầu bôi trơn, nước làm mát, thùng nhiên liệu đầy, thùng dầu thủy lực và thiết bị tiêu chuẩn.

Khối lượng thành phần chính	
Kết cấu bên trên	2,680 kg (5,910 lb)
Cần trục (với xy lanh tay gầu)	310 kg (680 lb)

Tải trọng thao tác

Tải trọng thao tác	5,550 kg (12,240 lb)
--------------------	-----------------------

- Chỉ có cần trục với lưỡi ủi

Gàu

Dung tích		Chiều rộng		Khối lượng
Dung tích mức định mức SAE	Dung tích mức định mức CECE	Không có kim thông dụng	Có kim thông dụng	
0.07 m³ (0.09 yd³)	0.06 m³ (0.08 yd³)	315 mm(12.4")	360 mm(14.2")	115 kg(255 lb)
0.18 m³ (0.24 yd³)	0.15 m³ (0.20 yd³)	670 mm(26.4")	740 mm(29.1")	170 kg(375 lb)
* 0.18 m³ (0.24 yd³)	0.15 m³ (0.20 yd³)	610 mm(24.0")	740 mm(29.1")	170 kg(375 lb)

Lực đào

Tay gầu	Chiều dài	1,600 mm (5' 3")	1,900 mm (6' 3")
	Khối lượng	210 kg (460 lb)	230 kg (510 lb)
Lực đào của gầu mức	SAE	37.7 kN	37.7 kN
		3,850 kgf	3,850 kgf
		8,490 lbf	8,490 lbf
	ISO	42.4 kN	42.4 kN
		4,330 kgf	4,330 kgf
		9,550 lbf	9,550 lbf
Lực Tay gầu	SAE	28.4 kN	25.5 kN
		2,900 kgf	2,600 kgf
		6,390 lbf	5,730 lbf
	ISO	31.9 kN	28.7 kN
		3,260 kgf	2,930 kgf
		7,190 lbf	6,460 lbf

*Khối lượng tay gàu gồm cả xy lanh và cấu bản lề

Tải trọng nâng

R60W-9S

Cần trục : 3.0m (9' 10") / Tay gầu : 1.6 m (5' 3") / Gầu : 0.18m³ (0.24yd³) dung tích định mức SAE / lưỡi ủi dưới

Chiều cao		Bán kính tải								Bán kính hoạt động tối đa		
		2.0 m (7 ft)		3.0 m (10 ft)		4.0 m (13 ft)		5.0 m (16 ft)		Tải trọng		BK hoạt động
												m (ft)
5.0 m	kg									*960	*960	4.47
(16 ft)	lb									*2120	*2120	(14.7)
4.0 m	kg					*1020	*1020			*990	720	5.26
(13 ft)	lb					*2250	*2250			*2180	1590	(17.3)
3.0 m	kg					*1150	1120	*990	760	*1020	620	5.69
(10 ft)	lb					*2540	2470	*2180	1680	*2250	1370	(18.7)
2.0 m	kg			*1900	1690	*1400	1070	*1200	740	*1070	570	5.86
(7 ft)	lb			*4190	3730	*3090	2360	*2650	1630	*2360	1260	(19.2)
1.0 m	kg			*2500	1580	*1670	1020	*1310	720	*1110	570	5.81
(3 ft)	lb			*5510	3480	*3680	2250	*2890	1590	*2450	1260	(19.1)
Ground	kg	*2690	*2690	*2720	1530	*1820	990	*1350	700	*1160	620	5.51
Line	lb	*5930	*5930	*6000	3370	*4010	2180	*2980	1540	*2560	1370	(18.1)
-1.0 m	kg	*4040	3040	*2610	1520	*1760	980			*1180	740	4.92
(-3 ft)	lb	*8910	6700	*5750	3350	*3880	2160			*2600	1630	(16.1)
-2.0 m	kg	*3400	3100	*2090	1550							
(-7 ft)	lb	*7500	6830	*4610	3420							

Tải trọng nâng

R60W-9S

Cần trục : 3.0m (9' 10") / Tay gầu : 1.6 m (5' 3") / Gầu : 0.18m³ (0.24yd.) Dung tích định mức SAE / Lưỡi ủi trên

Chiều cao điểm đặt tải m (ft)		Bán kính tải trọng								Bán kính hoạt động tối đa		
		2.0 m (7 ft)		3.0 m (10 ft)		4.0 m (13 ft)		5.0 m (16 ft)		Tải trọng		Bán kính hoạt động m (ft)
5.0 m (16 ft)	kg									*960	880	4.47
	lb									*2120	1940	(14.7)
4.0 m (13 ft)	kg					*1020	*1020			760	650	5.26
	lb					*2250	*2250			1680	1430	(17.3)
3.0 m (10 ft)	kg					*1150	1010	810	690	650	550	5.69
	lb					*2540	2230	1790	1520	1430	1210	(18.7)
2.0 m (7 ft)	kg			1770	1510	1130	960	790	670	610	510	5.86
	lb			3900	3330	2490	2120	1740	1480	1340	1120	(19.2)
1.0 m (3 ft)	kg			1660	1410	1080	910	760	640	610	510	5.81
	lb			3660	3110	2380	2010	1680	1410	1340	1120	(19.1)
Ground	kg	*2690	2630	1610	1360	1040	880	750	630	650	550	5.51
Line	lb	*5930	5800	3550	3000	2290	1940	1650	1390	1430	1210	(18.1)
-1.0 m (-3 ft)	kg	3210	2650	1600	1350	1040	870			790	660	4.92
	lb	7080	5840	3530	2980	2290	1920			1740	1460	(16.1)
-2.0 m (-7 ft)	kg	3270	2700	1630	1380							
	lb	7210	5950	3590	3040							

Cần trục : 3.0m (9' 10") / Tay gầu : 1.9 m (6' 3") / Gầu : 0.18m³ (0.24yd.) dung tích định mức SAE / Lưỡi ủi

Chiều cao điểm đặt tải m (ft)		Bán kính tải								Bán kính hoạt động tối đa		
		2.0 m (7 ft)		3.0 m (10 ft)		4.0 m (13 ft)		5.0 m (16 ft)		Tải trọng		Bán kính hoạt động m (ft)
5.0 m (16 ft)	kg					*940	*940			*880	840	4.88
	lb					*2070	*2070			*1940	1850	(16.0)
4.0 m (13 ft)	kg									*910	650	5.60
	lb									*2010	1430	(18.4)
3.0 m (10 ft)	kg					*1010	*1010	*1010	770	*940	560	6.00
	lb					*2230	*2230	*2230	1700	*2070	1230	(19.7)
2.0 m (7 ft)	kg	*3000	*3000	*1660	*1660	*1280	1080	*1120	750	*980	520	6.16
	lb	*6610	*6610	*3660	*3660	*2820	2380	*2470	1650	*2160	1150	(20.2)
1.0 m (3 ft)	kg	*1940	*1940	*2330	1590	*1580	1020	*1250	720	*1030	520	6.10
	lb	*4280	*4280	*5140	3510	*3480	2250	*2760	1590	*2270	1150	(20.0)
Ground	kg	*2520	*2520	*2670	1520	*1770	980	*1330	700	*1070	560	5.83
Line	lb	*5560	*5560	*5890	3350	*3900	2160	*2930	1540	*2360	1230	(19.1)
-1.0 m (-3 ft)	kg	*3580	3000	*2660	1500	*1790	970			*1110	650	5.29
	lb	*7890	6610	*5860	3310	*3950	2140			*2450	1430	(17.4)
-2.0 m (-7 ft)	kg	*3830	3050	*2290	1520	*1490	980			*1080	910	4.33
	lb	*8440	6720	*5050	3350	*3280	2160			*2380	2010	(14.2)
-3.0 m (-10 ft)	kg	*2070	*2070									
	lb	*4560	*4560									

Cần trục : 3.0m (9' 10") / Tay gầu : 1.9 m (6' 3") / Gầu : 0.18m³ (0.24yd.) Dung tích định mức SAE / Lưỡi ủi trên

Chiều cao điểm đặt tải m (ft)		Bán kính tải								Bán kính hoạt động tối đa		
		2.0 m (7 ft)		3.0 m (10 ft)		4.0 m (13 ft)		5.0 m (16 ft)		Tải trọng		Bán kính hoạt động m (ft)
5.0 m (16 ft)	kg					*940	*940			*880	760	4.88
	lb					*2070	*2070			*1940	1680	(16.0)
4.0 m (13 ft)	kg									690	580	5.60
	lb									1520	1280	(18.4)
3.0 m (10 ft)	kg					*1010	*1010	810	690	600	500	6.00
	lb					*2230	*2230	1790	1520	1320	1100	(19.7)
2.0 m (7 ft)	kg	*3000	2990	*1660	1540	1140	970	790	670	560	470	6.16
	lb	*6610	6590	*3660	3400	2510	2140	1740	1480	1230	1040	(20.2)
1.0 m (3 ft)	kg	*1940	*1940	1670	1420	1080	920	760	640	560	460	6.10
	lb	*4280	*4280	3680	3130	2380	2030	1680	1410	1230	1010	(20.0)
Ground	kg	*2520	*2520	1600	1350	1040	880	740	620	590	500	5.83
Line	lb	*5560	*5560	3530	2980	2290	1940	1630	1370	1300	1100	(19.1)
-1.0 m (-3 ft)	kg	3160	2610	1580	1330	1020	860			690	580	5.29
	lb	6970	5750	3480	2930	2250	1900			1520	1280	(17.4)
-2.0 m (-7 ft)	kg	3210	2650	1600	1350	1040	870			960	810	4.33
	lb	7080	5840	3530	2980	2290	1920			2120	1790	(14.2)
-3.0 m (-10 ft)	kg	*2070	*2070									
	lb	*4560	*4560									

1. Tải trọng nâng dựa trên SAE J1097, ISO 10567.

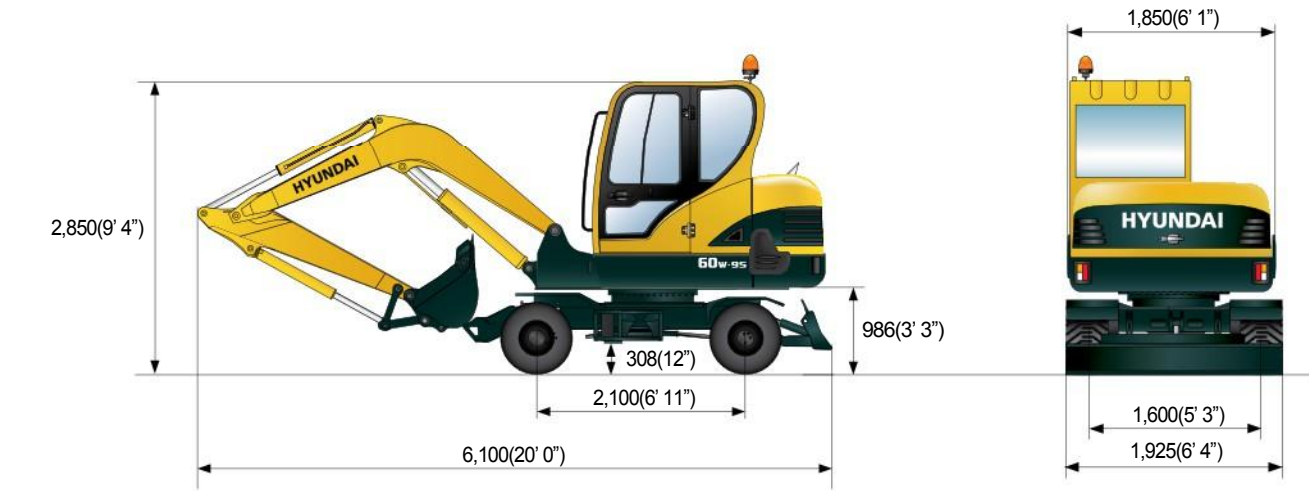
2. Tải trọng nâng của dòng Robex không vượt quá 75% tải trọng giữ thăng bằng khi máy đang ở trên nền phẳng, chắc chắn hoặc 87% tải trọng thủy lực.
3. Điểm đặt tải trọng là móc đặt ở phía sau gầu

4. (*) chỉ ra tải trọng giới hạn bởi tải trọng thủy lực

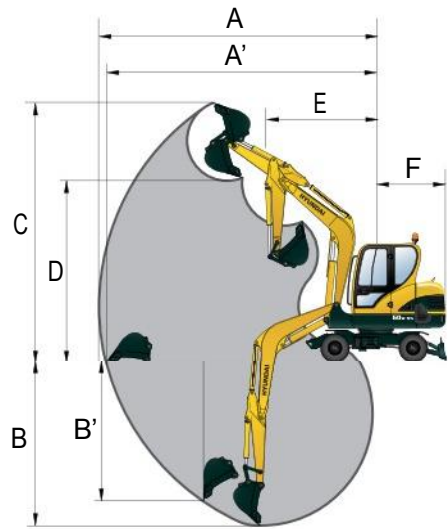
Kích thước & Phạm vi làm việc

Kích thước của R60W-9S

unit: mm(ft ` in)



R60W-9S Phạm vi hoạt động



đơn vị: mm(ft ` in)

Chiều dài cần trục	3,000 (9' 10")	
Chiều dài tay gầu	1,600 (5' 3")	1,900 (6' 3")
A Bán kính đào tối đa	6,150 (20' 2")	6,430 (21' 1")
A' Bán kính đào tối đa trên mặt đất	5,980 (19' 7")	6,200 (20' 4")
B Độ sâu đào tối đa	3,500 (11' 6")	3,800 (12' 6")
B' Độ sâu vách đất đào đứng tối đa	2,960 (9' 9")	3,160 (10' 4")
C Độ cao đào tối đa	6,070 (19' 11")	6,260 (20' 6")
D Độ cao đổ tối đa	4,340 (14' 3")	4,530 (14'10")
E Bán kính quay bàn máy tối thiểu	2,350 (7' 9")	2,350 (7' 9")
F Bán kính quay đuôi máy	1,650 (5' 5")	1,650 (5' 5")